

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-10-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thế Hùng.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh

- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 01/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Tiến N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã T Ph, huyện T T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Hải Y**, sinh năm 1966.

Sinh quán: tỉnh Hưng Yên, Việt Nam; địa chỉ hiện nay: Rosa, Luxemburg - STR14 02943 - weisswasser - Cộng hòa Liên bang Đức.

(Anh Trịnh Tiến N và chị Nguyễn Hải Y có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là anh Trịnh Tiến N trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Tiến N và chị Nguyễn Hải Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 24/6/2016. Anh N và chị Y kết hôn trong hoàn cảnh chị Y sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức về nghỉ phép tại Việt N, còn anh N sinh sống tại Việt N. Sau khi kết hôn, chị Y quay trở lại Cộng hòa Liên bang Đức, anh N vẫn

ở lại Việt N. Vì vậy, sau khi kết hôn với nhau, anh N và chị Y không có nhiều thời gian để dành cho nhau, cuộc sống mỗi người một nơi, luôn phải xa nhau nên cả hai không thể chăm sóc nhau và kinh tế gia đình không thể tập trung. Do khác biệt về cách sống và quan điểm sống nên giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, dẫn đến việc thường xuyên cãi vã trong gia đình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Y để hai bên sớm tạo dựng cuộc sống mới.

Về quan hệ con chung: Anh N và chị Y không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh và chị Y không có tài sản chung, không vay nợ ai và cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh N đang làm ăn tại tỉnh Sơn La nên không thể về Thái Bình để tham gia tố tụng, anh N đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 04/10/2018.

- Theo bản tự khai đề ngày 07/8/2018 gửi về Tòa án có xác nhận của Đại sứ quán Việt N tại Cộng hòa Liên bang Đức, bị đơn là chị Nguyễn Hải Y trình bày và có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hải Y và anh Trịnh Tiến N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 24/6/2016. Khi kết hôn thì chị Y sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức về nghỉ phép tại Việt N, còn anh N sinh sống tại Việt N. Sau khi kết hôn, chị phải trở về Cộng hòa Liên bang Đức để sinh sống và làm việc nên mỗi người một nơi, anh chị không có nhiều thời gian cho cuộc sống chung. Giữa chị Y và anh N có nhiều khác biệt trong cuộc sống, quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi, chửi nhau. Chị Y xác định tình trạng hôn nhân của chị Y và anh N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cần phải ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai sớm tạo dựng cuộc sống mới của mình. Nay anh N xin ly hôn, chị Y đồng ý.

Về quan hệ con chung: Chị Y và anh N không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị Y và anh N không có tài sản chung, không vay nợ ai và cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Y đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức không thể về Việt N tham gia tố tụng, chị Y có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Việt N tại Cộng hòa liên bang Đức ngày 07/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, chị Y có nơi sinh ở tỉnh Hưng Yên và hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức, chị Y cũng có đơn đề nghị đề ngày

12/4/2018 về việc đồng ý Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình là nơi anh N cư trú giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không phải tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ; anh N và chị Y đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của anh N là đúng thẩm quyền; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không phải tham gia phiên tòa sơ thẩm và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh N và chị Y là hợp pháp. Sau khi kết hôn, do hoàn cảnh điều kiện chị Y sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đức, còn anh N vẫn sinh sống tại Việt N, cuộc sống mỗi người một nơi, nên cả hai không thể quan tâm chăm sóc nhau và kinh tế gia đình không thể tập trung. Mặt khác do khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Hiện nay, hai bên sống mỗi người một nơi, tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Anh N xin ly hôn, chị Y cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh N và chị Y là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho anh N được ly hôn chị Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh N và chị Y không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh N và chị Y đều thông nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 21, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Tiến N được ly hôn chị Nguyễn Hải Y.

2. Về quan hệ con chung : Anh Trịnh Tiến N và chị Nguyễn Hải Y không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trịnh Tiến N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008806 ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh N và chị Y. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND huyện Thái Thụy (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hà